TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 30/7/2019
"V/v: Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Long;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cường- Chức vụ: Kiểm sát viên;

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 226/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1979 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định;

*** Bị đơn:** Ông Lê Hoàng Đ, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa bà Lê Thị Kim L trình bày có nội dung:**

Bà Lê Thị Kim L và ông Lê Hoàng Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định vào ngày 23/7/2018;

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông Đ ham chơi, không chịu làm ăn kinh tế; bà L đã cho ông Đ nhiều cơ hội nhưng ông Đ vẫn không hề thay đổi; do đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và không

thể hàn gắn được nữa. Sau đó, đến khoảng tháng 10/2018 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà L xác định không còn tình cảm với ông Đ, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Bà L và ông Đ không có con chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Đ không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Hoàng Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đ vẫn không đến Tòa án giải quyết việc kiện; do đó Tòa án không ghi được lời khai của ông Đ cũng như không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, xét thấy ông Lê Hoàng Đ và bà Lê Thị Kim L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định ngày 23/7/2018. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn, đến tháng 9/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 10/2019 thì mâu thuẫn phát sinh căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Xét mục đích hôn nhân giữa bà Lê Thị Kim L và ông Lê Hoàng Đ không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; bà L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị Kim L về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Lê Hoàng Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Hoàng Đ có nơi cư trú tại đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn ông Lê Hoàng Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim L và ông Lê Hoàng Đ tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định ngày 23/7/2018; đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì hôn nhân, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh ngày càng căng thẳng và đã sống ly thân từ tháng 10/2018 đến nay.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng bà L, ông Đ phát sinh đã lâu, tình trạng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa bà L, ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng ly hôn của bà Lê Thị Kim L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà L và ông Đ không có con chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định bà và ông Đ không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Lê Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Lê Hoàng Đ;

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim L được ly hôn với ông Lê Hoàng Đ;

- Về con chung: Bà L và ông Đ không có con chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà L xác định bà và ông Đ không có tài sản chung, nợ chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí: Bà Lê Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Lê Thị Kim L đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0012141 ngày 29 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn bà Lê Thị Kim L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Bị đơn ông Lê Hoàng Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- UBND xã N, Q;
- Thi hành án dân sự TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương